TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09/7/2019
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Văn Tha
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Bùi Thị Hà
2. Ông Nguyễn Văn Mạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Thắng – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 68/2019/TLST – HNGĐ, ngày 23 tháng 01 năm 2019 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hoài T, sinh năm 1989 – Có mặt
Địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk
Bị đơn: Anh Đỗ Xuân B, sinh năm 1989 – *Vắng mặt*
Trú tại: Thôn X, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Lê Thị Hoài T trình bày:

Tôi và anh Đỗ Xuân B, kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 01/9/2017 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng chung sống được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh B chơi cờ bạc, không lo làm ăn nên vợ chồng thường xảy ra xích mích đôi khi dẫn đến xô xát. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh B.

Về con chung: Giữa tôi và anh B có 01 con chung là Đỗ Xuân T1, sinh ngày 01/01/2018 cháu đang ở với tôi, tôi có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tôi làm giáo viên mầm non có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu, tôi không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 08/4/2019 bị đơn Đỗ Xuân B khai:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung như lời trình bày của chị Lê Thị Hoài T là đúng; vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên anh không đồng ý ly hôn, không đồng ý để chị T nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Đỗ Xuân B đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp và hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Hoài T. Chị T được ly hôn anh B.

Về con chung: Giao cháu Đỗ Xuân T1, sinh ngày 01/01/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn Đỗ Xuân B vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hoài T và anh Đỗ Xuân B kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 01/9/2017 tại UBND xã C, huyện M, đây là quan hệ

hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B thường chơi cờ bạc, không chăm lo đến gia đình, nên vợ chồng thường xích mích đôi khi dẫn đến xô xát; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Qua xác minh tại địa phương xác định do anh B ham chơi, không lo làm ăn, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh B không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng, nếu anh B là người có trách nhiệm chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình thì chắc rằng mọi sai sót sẽ được khắc phục kịp thời. Tuy nhiên, anh B lại bỏ mặc làm cho tình cảm vợ chồng ngày một xa cách. Như vậy việc chị T xin ly hôn với anh B là chính đáng cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Giữa chị T và anh B có 01 con chung là cháu Đỗ Xuân T1, sinh ngày 01/01/2018. Xét yêu cầu của đương sự cũng như điều kiện để chăm sóc con chung, thì chị T có thời gian và điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con tốt hơn; vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Hoài T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Hoài T;

Chị Lê Thị Hoài T được ly hôn với anh Đỗ Xuân B.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đỗ Xuân T1, sinh ngày 01/01/2018 đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Đỗ Xuân B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Lê Thị Hoài T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên

lai số AA/2017/0007009 ngày 15/01/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKS tỉnh; TA tỉnh ĐắkLắk;
- VKS huyện CưM'gar;
- Thi hành án dân sự CưM'gar ;
- UBND xã C;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Tha